

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân
sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên
địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng).

b) Hợp tác xã, Tổ hợp tác (gọi chung là tổ chức kinh doanh du lịch cộng đồng).

c) Các cơ quan, đơn vị liên quan đến tổ chức thực hiện chính sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Điều kiện, nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Có văn bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch từ 07 năm trở lên, kể từ thời điểm nhận được hỗ trợ.

b) Là những điểm du lịch cộng đồng được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt giai đoạn 2022-2030.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều hạng mục khác nhau thì được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng hạng mục đầu tư.

c) Những hạng mục đã được hỗ trợ từ chương trình, dự án khác thì không được hỗ trợ theo Nghị quyết này.

d) Mỗi hạng mục chỉ được hỗ trợ một lần đối với mỗi điểm du lịch cộng đồng và chỉ hỗ trợ đối với các hạng mục được đầu tư sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết: UBND cấp huyện nơi có điểm du lịch cộng đồng triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch. Sau khi quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu kinh phí cho ngân sách cấp huyện.

b) Các chính sách hỗ trợ còn lại: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng tự bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình; mua hoặc đóng thuyền, xe điện. Sau khi hoàn thành công trình, hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoàn thành.

Điều 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện Nghị quyết được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện.

2. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

Điều 4. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm du lịch cộng đồng

1. Đối tượng hỗ trợ: UBND cấp huyện nơi có điểm du lịch cộng đồng.
2. Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.
3. Mức hỗ trợ: 70% kinh phí theo thực tế, tối đa không quá 2 tỷ đồng/điểm, phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp huyện đảm nhiệm.

Điều 5. Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất điểm du lịch cộng đồng

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà đón khách, trưng bày sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn

- a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng.
- b) Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Việc xây dựng phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, nhà có tổng diện tích xây dựng từ 200m² trở lên, có nhà vệ sinh khép kín, quây trưng bày sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp nông thôn, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

- c) Mức hỗ trợ: 500 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm.

2. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại điểm du lịch cộng đồng

- a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng.
- b) Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Việc xây dựng phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, nhà vệ sinh có diện tích xây dựng từ 30 m² trở lên. Đảm bảo theo tiêu chuẩn tại Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

- c) Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm.

3. Hỗ trợ làm đường giao thông nội bộ trong khu vực điểm du lịch cộng đồng

- a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng.
- b) Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Việc làm đường phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, đường có chiều rộng từ 3,5m trở lên, đường được đổ bê tông xi măng (dày tối thiểu 16 cm) hoặc trải bê tông nhựa (dày tối thiểu 5cm), đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

- c) Mức hỗ trợ: 800 triệu đồng/km, tối đa không quá 2 tỷ đồng/điểm.

4. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe tại khu vực điểm du lịch cộng đồng

- a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Việc xây dựng phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, bãi đỗ xe có diện tích tối thiểu từ 500 m² trở lên, được đổ bê tông xi măng hoặc trải cấp phối đá dăm phù hợp với mục đích và yêu cầu của bãi đỗ xe, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

c) Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/bãi đỗ xe, không quá 2 bãi đỗ xe/điểm.

Điều 6. Hỗ trợ mua hoặc đóng thuyền, xe điện vận chuyển khách du lịch

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch cộng đồng.

2. Điều kiện hỗ trợ: Bảo đảm điều kiện tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Thuyền, xe điện vận chuyển khách du lịch đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về an toàn khi lưu thông (có đăng ký, đăng kiểm theo quy định). Đối với hỗ trợ thuyền du lịch, tại điểm du lịch cộng đồng phải có sông hoặc hồ và được phép khai thác mặt nước để phát triển du lịch theo quy định.

3. Mức hỗ trợ: 70% kinh phí.

a) Đối với hỗ trợ thuyền: Tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/thuyền, không quá 2 thuyền/điểm.

b) Đối với hỗ trợ xe điện: Tối đa không quá 200 triệu đồng/xe điện, không quá 5 xe điện/điểm.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết này

1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng (theo mẫu số 01 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Bản cam kết thực hiện kinh doanh du lịch (theo mẫu số 02 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d) Hóa đơn tài chính đối với Điều 6.

2. Hồ sơ 01 bộ gồm:

a) Thành phần quy định tại điểm a,b,c khoản 1 Điều này đối với thủ tục hỗ trợ tại Điều 5 Nghị quyết này.

b) Thành phần quy định tại điểm a,b,c,d khoản 1 Điều này đối với thủ tục hỗ trợ tại Điều 6 Nghị quyết này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận một cửa của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra thực tế hiện trạng công trình hoặc tài sản được hỗ trợ (theo mẫu số 03, đề xuất kinh phí hỗ trợ theo mẫu số 04 của phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này). Sau khi hoàn thành kiểm tra, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ vào Quyết định giao kinh phí hằng năm của Chủ tịch UBND tỉnh, ban hành Quyết định hỗ trợ và thanh toán theo quy định hiện hành. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

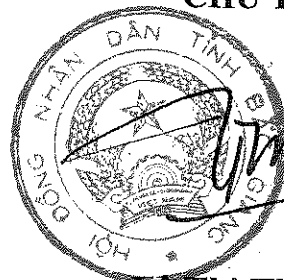
Điều 8. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí:

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CMND/Số CCCD:; ngày cấp:; nơi cấp:.....

Điện thoại:.....; Email:

Nơi thường trú:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp:.....
nơi cấp.....

Căn cứ Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030.

4. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

TT	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí đầu tư	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú

5. Hồ sơ kèm theo gồm có:

-
-

Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang xem xét, phê duyệt./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên; ký tên, đóng dấu (nếu có))

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Thực hiện kinh doanh du lịch cộng đồng tại điểm du lịch.....

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CMND/Số CCCD:; ngày cấp:; nơi cấp:.....

Điện thoại:.....; Email:

Nơi thường trú:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp:.....
 nơi cấp.....

Căn cứ Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030.

Tôi xin cam kết thực hiện các nội dung như sau:

- Thực hiện kinh doanh du lịch cộng đồng trên địa bàn: ít nhất 7 năm sau khi nhận được hỗ trợ đầu tư.

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch, công tác an ninh an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm cho khách du lịch.

- Giữ gìn và bảo vệ những tài sản được chính quyền hỗ trợ và sử dụng đúng mục đích hỗ trợ.

- Nếu sử dụng tài sản được hỗ trợ không đúng mục đích và thời gian cam kết thì tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả lại toàn bộ số kinh phí đã được Nhà nước hỗ trợ.

Tôi xin cam kết về tính chính xác của những thông tin trên đây và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên; ký tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

**Hiện trạng công trình, tài sản hỗ trợ hoàn thành theo Nghị quyết
số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh**

Hôm nay, ngày thángnămtại..... chúng tôi gồm:

1. Ông/bà chức vụ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Ông/bà chức vụ:
3. Ông/bà chức vụ:
4. Ông/bà chức vụ:
5. Ông/bà chức vụ (nếu có):... ..Đại diện tổ chức/cá nhân.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030.

Tiến hành xác nhận hiện trạng các hạng mục công trình, tài sản hoàn thành: (1)...(2)...(3).... có ảnh chụp kèm theo.

Kết quả xác nhận theo điều kiện, chính sách hỗ trợ của Nghị quyết:

.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN CÁC
CƠ QUAN THAM GIA XÁC NHẬN
HIỆN TRẠNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT

**Kinh phí hỗ trợ công trình, tài sản hoàn thành theo Nghị quyết
số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh**

Hôm nay, ngày thángnămtại..... chúng tôi gồm:

1. Ông/bà chức vụ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Ông/bà chức vụ:
3. Ông/bà chức vụ:
4. Ông/bà chức vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 – 2030.

Sau khi xác nhận hiện trạng các hạng mục công trình, tài sản hoàn thành theo biên bản xác nhận ngày....tháng.....năm.....tại

Đề xuất kinh phí hỗ trợ cho từng hạng mục: (1)..... (2)..... (3).....
Tổng kinh phí hỗ trợ:

Trân trọng đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang xem xét, quyết định./.

**ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN CÁC
CƠ QUAN THAM GIA XÁC NHẬN
HIỆN TRẠNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)